

SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA
VIỆT NAM

---oOo---

Số: 25./QĐ/TGD- MXV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---★---

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp số hiệu tài khoản giao dịch hàng hóa tại Sở giao dịch hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hoá Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế niêm yết và giao dịch Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch hàng hóa Việt Nam.
- Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm thanh toán bù trừ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Việc cấp số hiệu tài khoản cho Thành viên và Khách hàng mở tài khoản giao dịch hàng hóa qua Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) được thực hiện như sau:

1. Nguyên tắc cấp mã hiệu:

Số hiệu tài khoản giao dịch hàng hóa cho người dùng giao dịch hàng hóa qua hệ thống của MXV bao là một gồm 10 (mười) ký tự chữ và số liền nhau. Cụ thể:

a. 03 ký tự đầu tiên của tài khoản giao dịch: là mã số được MXV cấp cho thành viên đủ điều kiện và được chấp thuận là Thành viên kinh doanh.

Ví dụ: MXV cấp cho thành viên kinh doanh A mã số 001. Số hiệu tài khoản giao dịch hàng hóa của nhà đầu tư là 001xxxxxx

b. Ký tự thứ 4: là 01 trong 04 ký tự bằng chữ nhằm phân biệt các loại tài khoản giao dịch hàng hóa sau:

Ký tự thứ 4	Loại tài khoản giao dịch	Ký hiệu lệnh tương ứng trên hệ thống giao dịch
xxxPxxxxxx	Tự doanh của TVKD	P
xxxCxxxxxx	Khách hàng cá nhân trong nước	C
xxxExxxxxx	Khách hàng tổ chức trong nước	E

xxxFxxxxxx	Khách hàng cá nhân nước ngoài	F
xxxLxxxxxx	Khách hàng tổ chức nước ngoài	L

c. 02 ký tự tiếp theo (thứ 5, thứ 6)

Là mã số do Thành viên kinh doanh cấp và quản lý các Thành viên môi giới của mình sau khi Thành viên môi giới đủ điều kiện và được MXV chấp thuận làm Thành viên môi giới.

Ví dụ: Thành viên kinh doanh A mã số 001 cấp cho thành viên môi giới C mã số 01. Khi đầy nhà đầu tư của thành viên môi giới C sẽ có số tài khoản: 001C01xxxx

d. 04 ký tự tiếp theo: là các số trong phạm vi từ 0001 đến 9999 để phân biệt các tài khoản giao dịch khác nhau do Thành viên kinh doanh, Thành viên môi giới thiết lập cho Khách hàng của mình.

- Đối với các tài khoản môi giới cho nhà đầu tư trong nước, nước ngoài và tài khoản giao dịch tự doanh của Thành viên kinh doanh do Thành viên kinh doanh tự quyết.

- Đối với các tài khoản môi giới cho nhà đầu tư trong nước, nước ngoài của thành viên môi giới do thành viên môi giới tự quyết.

2. Cấp mã cho Thành viên môi giới:

Tùy thuộc vào tình hình thực tế, một Thành viên kinh doanh có thể được cấp một hoặc nhiều mã hiệu thành viên. Thành viên kinh doanh quyết định việc cấp mã hiệu và số lượng mã hiệu cho Thành viên môi giới của mình.

Ví dụ: Thành viên kinh doanh A mã số 001 đã cấp cho thành viên môi giới C mã số 01. Khi phát sinh nhu cầu về số lượng nhà đầu tư, thành viên môi giới C sẽ được cấp thêm mã số 09. Số tài khoản các nhà đầu tư của thành viên môi giới C sẽ là: 001C01xxxx và 001C09xxxx

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Giám đốc, Giám đốc các Khối, Ban, đơn vị nghiệp vụ, Giám đốc Trung tâm thanh toán bù trừ, Trung tâm giao nhận hàng hóa thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên kinh doanh, Thành viên môi giới; các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3: để thực hiện;
- HĐQT: để báo cáo;
- Lưu văn thư.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Quỳnh

